TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM **TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HS-ST
Ngày: 28/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Đoan Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Từ Sĩ Trần T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 201/2023/HSST, ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2023/QĐXXST-HS ngày 14/12/2023 đối với bị cáo:

Phạm Danh G, sinh ngày 19/9/1985 tại Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Danh B và bà Nguyễn Thị T1; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an T3 - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

*** Bị hại:** Ông Phùng Ngọc V, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu phố I, phường P, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 18/8/2023, Phạm Văn H (*Sinh năm 1986, thường trú tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh*) đến gặp Phạm Danh G đang ở trọ tại thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Tại đây, H rủ G đi trộm cắp tài sản, G đồng ý và điều khiển xe mô tô 51P2- 2723 hiệu Supper Dream, màu nâu, chở H đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp. G và H đi từ phòng trọ ở thôn H, xã A, huyện N theo hướng đến thành phố P- T. Khi đi đến số nhà A, đường B của anh Phùng Ngọc V (*Sinh năm 1991, thường trú: Khu phố I, phường P, TP . - T*), G và H quan sát phát hiện nhà anh V không có người nên G dừng xe để H đột nhập vào trộm cắp tài sản, G đứng ngoài canh gác. Khi H vào nhà anh V thì H tìm kiếm, lục lọi trong tủ đồ lấy số tiền 1.000.000 đồng trong con heo đất; 01 dây chuyền dạng mắc xích, bằng kim loại bạc; 01 dây chuyền có đặc điểm dạng dây chuyền bạc Ý, đốt vuông mãnh nhỏ; 03 nhẫn vàng Tây; 01 lắc vàng Tây; 01 đôi bông tai vàng Tây; 01 lắc vàng Y. Sau khi lấy được số tài sản trên, H đi ra vị trí G đang canh gác để G điều khiển xe mô tô chở H đi về lại phòng trọ. Sau khi trộm cắp được tài sản, H chia cho G số tiền 1.000.000 đồng, số tài sản còn lại Hà giữ. Đến ngày 19/8/2023, G đến Cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra phòng trọ của G phát hiện trong áo khoác vải, màu bạc để trong phòng trọ bên trong có 02 (hai) sợi dây chuyền bằng kim loại bạc, là tài sản của anh V bị trộm cắp ngày 18/8/2023.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/KL-HDĐGTS ngày 23/8/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP . - T kết luận:

+ 01 dây chuyền có đặc điểm dạng mắc xích, bằng kim loại bạc, có trọng lượng 05 chỉ 03 phân. Thời điểm mất trộm ngày 18/8/2023, bạc có giá 132.000 đồng/chỉ. Vì vậy, sợi dây chuyền trên có giá trị là: 5,3 chỉ x 132.000 đồng = 699.600 đồng.

+ 01 dây chuyền có đặc điểm dạng dây chuyền bạc Ý, đốt vuông mãnh nhỏ, được bán theo món không tính trọng lượng. Thời điểm mất trộm ngày 18/8/2023, sợi dây có giá 350.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 1.049.600 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án đã nêu.

Bản cáo trạng số 194/CT-VKSPRTC ngày 22/11/2023, của Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – T, truy tố bị cáo Phạm Danh G về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân TP . - T giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Danh G phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Danh G mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T3 – T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 18/8/2023, khi được Phạm Văn H rủ đi trộm cắp tài sản, Phạm Danh G đồng ý và sử dụng xe mô tô biển số 51P2- 2723 hiệu Supper Dream chở H đi. Sau khi trộm cắp được tài sản tại nhà anh Phùng Ngọc V tại khu phố I, phường P, TP .- T, G được H chia số tiền 1.000.000 đồng và giá trị tài sản thu được tại phòng trọ của G là 1.049.600 đồng. Tổng giá trị tài sản G trộm cắp là 2.049.600 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – T truy tố bị cáo Phạm Danh G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng do mục đích tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Về nhân thân, bị cáo Phạm Danh G có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về vai trò và hình phạt:

Bị cáo Phạm Danh G tham gia với vai trò giúp sức, có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 dây chuyền có đặc điểm dạng mắt xích, bằng kim loại bạc, có trọng lượng 05 chỉ 03 phân; 01 dây chuyền có đặc điểm dạng dây chuyền bạc Ý, đốt vuông mãnh nhỏ. Quá trình điều tra, xác định 02 sợi dây chuyền có đặc điểm nêu trên là của anh Phùng Ngọc V. Cơ quan điều tra giao trả cho V là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note9 Pro, màu trắng đen là tài sản của Phạm Danh G. Quá trình điều tra, G không sử dụng điện thoại trên làm công cụ, phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra giao trả cho G là đúng quy định pháp luật.

- 01 xe mô tô biển số 51P2- 2723, nhãn hiệu Supper Dream, màu nâu là tài sản của anh Lê Văn P (*Sinh năm 1986, thường trú: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, quản lý công trình nhà nuôi tôm thuộc thôn H, xã A, huyện N nơi G làm việc*). Chiếc xe này anh P mua của một người phụ nữ ở TP . nhưng không làm hợp đồng mua bán. Cơ quan điều tra đã ra Công văn xác minh người đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 51P2- 2723 là Nguyễn Thanh T2 (*Sinh năm 1963, ở địa chỉ: 3 đường B, phường A, Quận T, TP .*) nhưng đến nay chưa có kết quả. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xe để xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là có cơ sở.

- 01 mũ bảo hộ lao động, màu trắng kích thước (25x21x14)cm; 01 mũ mềm, loại mũ lưỡi trai, màu đen, có dòng chữ LEVIS; 01 áo sơ mi dài tay chấm bi đen là vật dụng của bị cáo Phạm Danh G; 01 áo khoác, màu bạc của đối tượng Phạm Văn H. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để làm chứng cứ, trong quá trình điều tra hành vi trộm cắp tài sản nói trên của đối tượng Phạm Văn H là có căn cứ.

Đối với 01 nhẫn vàng Tây (loại vàng 680) trọng lượng 1 chỉ; 01 nhẫn vàng Tây (loại vàng 680) trọng lượng 5p9.91; 01 lắc vàng Tây (loại vàng 610) trọng lượng 3p1.5; 01 lắc vàng Y (vàng 24K) trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn vàng Tây (loại vàng 610) trọng lượng 3 phân; 01 đôi bông tai vàng Tây (loại vàng 610) trọng lượng 5p8.6. Quá trình điều tra xác định: Sau khi lấy trộm được số tài sản trên, đối tượng Phạm Văn H đã giữ lại và bỏ trốn mang theo số tài sản trên. Đến nay, chưa làm việc được với H, chưa truy tìm được tài sản trộm cắp, đề nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố T3 – T tiếp tục truy tìm để trả lại tài sản cho người bị hại.

Đối với hành vi của Phạm Văn H (Sinh năm 1986, thường trú: Xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên cùng với Phạm Danh G, H đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng đến nay chưa truy tìm được H nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi trên của H để điều tra, xử lý riêng trong một vụ án khác là có căn cứ.

Đối với anh Lê Văn P là người cho Phạm Danh G mượn xe mô tô biển số 51P2-2723 để làm phương tiện đi lại. Ngày 18/8/2023, G sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội nhưng anh P hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với anh P là có cơ sở.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, ông Phùng Ngọc V yêu cầu Phạm Danh G bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, G đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường dân sự trước khi mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Danh G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Danh G 05 (Năm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T3 - T tiếp tục tạm giữ xe 01 xe mô tô biển số 51P2- 2723, nhãn hiệu Supper Dream để xác minh chủ sở hữu, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T3 - T tiếp tục tạm giữ: 01 mũ bảo hộ lao động, màu trắng kích thước (25x21x14)cm; 01 mũ mềm, loại mũ lưỡi trai, màu đen, có dòng chữ LEVIS; 01 áo sơ mi dài tay chấm bi đen là vật dụng của bị cáo Phạm Danh G và 01 áo khoác, màu bạc của đối tượng Phạm Văn H để làm chứng cứ, trong quá trình điều tra hành vi trộm cắp tài sản nói trên của đối tượng Phạm Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Phạm Danh G với bị hại ông Phùng Ngọc V về bồi thường dân sự. Bị cáo Phạm Danh G có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Phùng Ngọc V số tiền số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định đã có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Danh G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/12/2023./.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu án văn, hồ sơ./..

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng